

Bản án số: 692/2024/HC-PT
Ngày: 08 - 7 - 2024
V/v “Khiếu kiện hủy Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Chung Văn Kết

Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Danh Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ba Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 336/2024/TLPT-HC ngày 01 tháng 4 năm 2024 về “Khiếu kiện hủy Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2024/HC-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

- Người khởi kiện: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1953.

Địa chỉ: số A tổ E, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Phùng Cảnh T1, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Trương Thị Minh T2 – Công ty L2 – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Người bị kiện: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T;

Địa chỉ: Số C H, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn P, Chức vụ: Giám đốc (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Lê Phát H, Chức vụ: Phó trưởng phòng Đăng ký và cấp giấy chứng nhận, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Bá T3 – Chủ tịch (vắng mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang

Địa chỉ: Ấp Cá, thị trấn Tân Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Văn C – Giám đốc chi nhánh (có mặt).

Người kháng cáo: Người bị kiện là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Huỳnh Thị T trình bày:

Căn cứ Sổ mục kê ruộng đất lập tại xã T, ngày 08/4/1985: Thửa đất số 575, diện tích 1.924 m², loại đất: lúa thuộc quyền sử dụng của ông Phùng Cảnh Đ - chồng bà. Thửa đất có nguồn gốc do mẹ chồng bà – bà Bùi Thị L để lại cho chồng bà quản lý, sử dụng từ năm 1970.

Năm 1987, Trạm y tế xã mượn đất của chồng bà để xây nhà vệ sinh, ông Lê Thủy H1 (thời điểm đó đang là Trưởng Trạm y tế xã) cam đoan sau khi di dời nhà vệ sinh sang nơi khác sẽ trả lại nguyên vẹn phần đất đã mượn cho chồng bà.

Ngày 29/01/2002, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số: 02775 cho chồng bà, tờ bản đồ số: 03, số thửa: 914, diện tích 1.193m², loại đất T-Q; tọa lạc tại Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Lý do giảm diện tích đất: xây dựng mở rộng kênh 30/4.

Năm 2005, chồng bà đo đạc lại thì phát hiện mất 263m² đất so với diện tích được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số 02775.

Ngày 20/9/2005, ông Lê Thủy H1, ông Tô Văn L1 và ông Bùi Văn H2 là những người cao niên sống tại xã T làm giấy xác nhận phần diện tích đất xây nhà vệ sinh của Trạm y tế xã nằm trên phần đất của chồng bà.

Ngày 02/10/2005, chồng bà làm đơn khiếu nại về việc quyền sử dụng đất bị lấn chiếm. Ngày 29/11/2005, UBND xã T có công văn số 03/CV UBND với nội dung đề nghị vợ chồng bà “Không nên xin lại đất mà giao cho xã để xây dựng công trình phúc lợi công cộng sau này”.

Năm 2007, chồng bà làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang yêu cầu UBND xã T trả lại diện tích 263m² đất. Ngày 17/7/2007 tại bản án sơ thẩm số 193/2007/DS-ST, Tòa án nhân dân huyện Châu

Thành ra quyết định: Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 31/7/2007, chồng bà kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng chồng bà rút đơn kháng cáo.

Ngày 21/5/2019, chồng bà mất (không để lại di chúc), khi đó bà chưa làm thủ tục nhận tặng cho quyền sử dụng đất thửa số 914 thì phát sinh thủ tục thừa kế theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của chồng bà bao gồm bà (vợ), **Phùng Cảnh T1** và **Phùng Thanh T4** (con). Bà và hai con (**Phùng Cảnh T1**, **Phùng Thanh T4**) đã thống nhất nhường lại toàn bộ phần di sản thừa kế là quyền sử dụng đất thửa số 914 cho bà (có văn bản chia tài sản).

Tháng 8/2020, bà làm thủ tục nhận thừa kế, Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện C** và cán bộ địa chính **xã T** kiểm tra thực địa phát hiện thửa đất số 914 chỉ còn lại 55,1m²; mất 417,9m².

Ngày 18/3/2022 Giám đốc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** ban hành Kết luận thanh tra số 1012/KL-STNMT nhận định bà lấn chiếm đất của Ủy ban xã.

Ngày 19/5/2022, bà làm đơn khiếu nại nội dung Kết luận Thanh tra số 1012/KL-STNMT gửi Chánh Thanh tra tỉnh Tiền Giang.

Ngày 27/5/2022, Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện C** gửi giấy mời bà đến tại chi nhánh để thực hiện Kết luận Thanh tra số 1012/KL-STNMT, yêu cầu bà mang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775 do **UBND huyện C** cấp ngày 29/01/2002.

Ngày 01/6/2022, Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai huyện C** biên bản về việc thực hiện Kết luận Thanh tra đối với bà. Nội dung yêu cầu bà giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775 ra để thực hiện thu hồi theo chỉ đạo trong Kết luận Thanh tra.

Ngày 26/8/2022, **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** tổng đạt cho bà Quyết định số 810/QĐ-STNMT về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà (Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký).

Ngày 09/9/2022, Giám đốc Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C** mời bà đến để lập biên bản về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà.

Bà không đồng ý với những quyết định trên nên bà yêu cầu: Hủy Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà **Huỳnh Thị T**.

*Người bị kiện **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** có văn bản trình bày:*

Ngày 29/01/2002, hộ ông **Phùng Cảnh Đ** được **Ủy ban nhân dân huyện C** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775, thửa đất số 914, tờ bản đồ số 03, diện tích 1193m², mục đích sử dụng T+Q, đất tọa lạc tại **ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang**. Từ năm 2005 đến năm 2008, diện tích thửa đất số 914 được trừ dần qua 05 lần chuyển nhượng còn lại 473m² mà chưa được đo đạc lại để xác định diện tích thực tế.

Sau khi ông **Phùng Cảnh Đ** chết, vợ ông là bà **Huỳnh Thị T** lập thủ tục xác định 300m² đất ở, đồng thời nhận thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 914 theo nội dung xác nhận ngày 03/8/2020 của Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C** tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông **Phùng Cảnh Đ**.

Năm 2022, khi tiến hành thanh tra chuyên ngành liên quan đến công tác quản lý, sử dụng đất của **Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, Sở T** đã kiểm tra và nhận thấy việc bà **Huỳnh Thị T** lập thủ tục đề nghị xác định diện tích đất ở và nhận thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 914 có diện tích 473m² là chưa phù hợp. Cụ thể tại thời điểm bà **Huỳnh Thị T** lập thủ tục đề nghị xác định diện tích đất ở thì trên thửa đất số 914 không có nhà ở (đất trống) nên thuộc trường hợp không đủ điều kiện được xác định diện tích đất ở theo quy định tại khoản 1 Điều 103 Luật Đất đai năm 2013; thửa đất số 914 có diện tích 473m² là không đúng so với diện tích thực tế (thửa đất số 914 có diện tích nhỏ hơn 473m²).

Ngày 18/3/2022, **Sở T** ban hành Kết luận thanh tra số 1012/KL-STNMT, trong đó có nội dung giao **Văn phòng Đ**, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C** thủ tục tham mưu Sở Tài nguyên và Môi trường thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà **Huỳnh Thị T** theo điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013 để hướng dẫn bà **Huỳnh Thị T** lập thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, khi Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C** tổ chức buổi làm việc để trao đổi, giải thích thì bà **Huỳnh Thị T** không đồng ý giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thu hồi.

Từ lý do nêu trên và căn cứ khoản 7 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về xử lý trường hợp người sử dụng đất không giao Giấy chứng nhận để thu hồi, **Sở T** đã ban hành Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà **Huỳnh Thị T**; giao Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C** hướng dẫn bà **Huỳnh Thị T** thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định, tuy nhiên đến nay bà **Huỳnh Thị T** chưa thực hiện.

Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 của **Sở T** được ban hành đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự thủ tục, do đó đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T**.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thống nhất với ý kiến trình bày của Sở T, không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Tiền Giang thống nhất với ý kiến trình bày của Sở T, không bổ sung gì thêm.

*** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2024/HC-ST ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, quyết định:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 32, Điều 116, Điều 157, Điều 158,

điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 86, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T.**

Hủy Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà **Huỳnh Thị T.**

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng khác và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 20/02/2024, người bị kiện là **Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T** có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo luật định.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện phát biểu:

Việc **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** ban hành Quyết định số 810/QĐ-TNMT là đúng thẩm quyền và trình tự do đó đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T.**

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện phát biểu:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại nội dung đơn khởi kiện vì người khởi kiện là kiện Giám đốc **Sở T**, Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định **Sở T** là người bị kiện là không phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Các chứng cứ có tại hồ sơ đủ căn cứ kết luận việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà **T** và **UBND xã T** có sự chồng lấn và kết luận của **Công an T6** xác định tạm y tế xã lấn đất của bà **T**, ông **Đ** để xây dựng nhà vệ sinh sau đó khi trạm y tế xã di dời về trụ sở mới thì **UBND xã T** đã kê khai luôn phần đất của ông **Đ** vào đất công. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **T** là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** và giữ nguyên Bản án sơ thẩm. (có bài phát biểu kèm theo).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Kết luận thanh tra chưa làm rõ thông tin chuyển nhượng đất của gia đình bà T cho những người khác và phần diện tích đất trả lại cho nhà thờ B. Ngoài ra, việc Giám đốc Sở T ban hành Quyết định số 810 là không đúng thẩm quyền, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và hủy Quyết định 810 là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử theo luật định.

Theo đơn khởi kiện thì người khởi kiện là bà Huỳnh Thị T khởi kiện đối với Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T và Quyết định số 810 là do Giám đốc Sở T ban hành. Tòa án cấp sơ thẩm xác định người bị kiện trong vụ án là Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T là chưa phù hợp nhưng sai sót này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không cần thiết phải hủy Bản án sơ thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của người bị kiện, thấy rằng:

[2.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T: Ngày 29/01/2002 Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775 cho hộ ông Phùng Cảnh Đ. Ngày 03/8/2020 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác nhận tại trang 04 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nội dung để thừa kế cho bà Huỳnh Thị T. Ngày 26/8/2022 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T ban hành Quyết định số 810/QĐ-STNMT hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phùng Cảnh Đ ngày 29/01/2002.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 “Nhà nước thu hồi giấy chứng nhận đã cấp trong các trường hợp sau: điểm d: Giấy chứng nhận đã cấp không đúng diện tích”.

Tại khoản 3 Điều 106 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Việc thu hồi hồi giấy chứng nhận đã cấp đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều này do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Điều 105 của Luật này quyết định sau khi có kết luận của cơ quan thanh tra cùng cấp, văn bản có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp đất đai”.

Như vậy, việc Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T căn cứ vào chính kết luận thanh tra số 1012/KL-STNMT ngày 18/3/2022 của Sở T để ban hành Quyết định số 810/QĐ-STNMT hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Phùng Cảnh Đ ngày 29/01/2002 là không đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định tại Điều 105, Điều 106 Luật đất đai năm 2013 và hướng dẫn tại các Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 86, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ như nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là đúng.

[2.2] Về nội dung Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T: “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02775 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 29/01/2002 cho ông Phùng Cảnh Đ...”

Các chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Theo Sổ mục kê ruộng đất và Bản đồ địa chính năm 1985 của UBND xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì thửa số 575 diện tích 1.924m² do ông Phùng Cảnh Đ là người đứng tên sử dụng. Ngày 29/01/2002, UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775 cho ông Đ, thửa đất đổi thành thửa mới 914 tờ bản đồ địa chính số 03, diện tích còn lại sau khi trừ hành lang lộ giới là 1.193m². Sau nhiều lần chuyển nhượng cho 05 chủ sử dụng khác thì phần đất của ông Đ còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 473m² (300m² đất ONT+ 173 đất cây lâu năm) thể hiện tại trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02775. Thửa đất trên giáp ranh với thửa 577 của UBND xã T quản lý sử dụng xây dựng trạm y tế xã. Nội dung này phù hợp với văn bản số 30/CNVPĐKĐĐ-TTLT ngày 16/01/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C trả lời theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang: Qua 05 lần chuyển nhượng thì phía ông Đ chỉ chuyển nhượng phần đất CLN cho những người khác tổng diện tích là 720m² mà không chuyển nhượng phần đất (T) nào.

Thửa đất 577, diện tích 1.892m², phía Đông giáp nhà thờ B, phía Nam thửa đất này giáp với thửa 575 (thửa 914) của ông Đ, phía Bắc giáp kênh Nguyễn Văn H3, năm 2009 UBND xã T trả một phần diện tích đất trạm y tế cho lại nhà thờ B là 660m², diện tích còn lại là 1.232m² (chưa trừ hành lang bảo vệ kênh và đường N). Trong quá trình sử dụng, Trạm y tế có xây dựng khu nhà vệ sinh trên một phần thửa 914 của ông Phùng Cảnh Đ, ngày 20/9/2005 ông Đ phát hiện sự việc làm đơn khiếu nại xin lại đất gửi UBND xã T có xác nhận của ông Lê Thủy H1, nguyên trưởng trạm y tế xã; ông Bùi Văn H2 và ông Tô Văn L1 là người sinh sống lâu năm tại địa phương xác nhận phần đất xây dựng nhà vệ sinh của Trạm y tế là của ông Đ. Ngày 29/11/2005 UBND xã T có công văn số 03/CV.UBND về việc trả lời đơn xin lại đất của ông Đ như sau: “Căn cứ báo cáo của Ban Thẩm tra ngày 10/11/2005 và cuộc họp cấp ủy ngày 28/11/2005, mặc dù nhà vệ sinh hiện nay không còn sử dụng, nhưng đề nghị ông không nên xin lại đất mà giao cho xã để xây dựng công trình phúc lợi công cộng sau này; Đồng thời yêu cầu ông nên làm mốc ranh đất cho cụ thể. Hơn nữa trước đây trong quá trình xây dựng nhà vệ sinh ông không có ý kiến và đơn khiếu nại gì. Nay xã đo đạc thiết lập bản đồ quản lý đất công, nên không thể giải quyết theo đơn của ông được.”

Ông Nguyễn Văn T5 - Nguyên cán bộ địa chính xã T, xác nhận: ông Phùng Cảnh Đ có làm đơn gửi UBND xã T để xin lại phần đất sử dụng xây dựng nhà vệ sinh của Trạm y tế xã. UBND xã tân L chỉ đạo ông T5 phối hợp với ông Đ kiểm tra đo đạc ngoài thực địa và qua kiểm tra hồ sơ nguồn gốc xác lập các thửa. Ông T5 xác định nhà vệ sinh của Trạm y tế xã được xây dựng trên phần đất thửa số 914 của ông Đ, có hồ sơ nguồn gốc xác lập các thửa đất năm 1985 (Sổ Mục kê ruộng đất và Bản đồ địa chính).

Như vậy, có căn cứ xác định Trạm y tế xã di dời qua trụ sở mới bỏ lại đất trống, UBND xã T kê khai diện tích đất xây dựng nhà vệ sinh vào thửa 577 để đưa vào quản lý đất công.

[2.3] Đồng thời, theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất lập ngày 24/8/2023 do Công ty TNHH T7 thực hiện thì phần đất của ông Đ còn lại có diện tích 54,9m²; phần đất của Ủy ban nhân dân xã T có diện tích 1.125,8m² (chưa kể hành lang bảo vệ kênh diện tích 115,2m² và đường N diện tích 119,9m², 02 phần diện tích này trước đây nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho Ủy ban nhân dân xã T). Như vậy tính luôn cả 02 phần diện tích này và phần diện tích 660m² đã giao trả cho nhà thờ B thì tổng diện tích đất mà Ủy ban nhân dân xã T thực tế là (1.125,8m² + 115,2m² + 119,9m² + 660m² = 2.020,9m²) so sánh với số mục kê ruộng đất mà UBND xã T kê khai đứng tên quyền sử dụng đất thửa đất 577, diện tích 1.892m² thì tăng 128,9m².

[3] Với các tài liệu chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Huỳnh Thị T với lý do bà T không tự nguyện giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lập thủ tục thu hồi, cấp lại theo kết luận thanh tra số 1012/KL-STNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T là chưa có cơ sở vững chắc, từ đó xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị T là có căn cứ, đúng pháp luật. Người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới có thể thay đổi được quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị bác kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của người bị kiện không được chấp nhận, vì vậy phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2024/HC-ST ngày 06/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ Điều 105, Điều 106 Luật Đất đai năm 2013; Điều 20, Điều 21, Điều 22, Điều 23, Điều 86, Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Huỳnh Thị T.**

Hủy Quyết định số 810/QĐ-STNMT ngày 26/8/2022 của **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà **Huỳnh Thị T.**

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Bà **Huỳnh Thị T** không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: **Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T** phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000140 ngày 20/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tiền Giang vào phần án phí phải chịu (đã nộp xong).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSND cấp cao tại TP.HCM(1);
- TAND tỉnh Tiền Giang(2);
- VKSND tỉnh Tiền Giang(1);
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang(1);
- Lưu VP(3), HS(2).15bNThuy.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chung Văn Kết – Lê Thúy Cầu

Hoàng Minh Thịnh